

Bản án số: 56/2020/HS-PT
Ngày 21-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí;

Các Thẩm phán: Ông Chu Long Kiểm;

Bà Nguyễn Thị Hoa;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 93/2020/TLPT-HS ngày 31 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Lê Văn T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2020/HS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Văn T, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 23 tháng 7 năm 1968 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn M, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn X (đã chết) và bà Lê Thị M (đã chết); có vợ Nguyễn Thị T; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự không có; nhân thân: Năm 2010 bị Công an huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi Khai thác lâm sản trái phép, đến nay đã hết thời hiệu thi hành quyết định, được coi đã xóa tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Chi Lăng từ ngày 05 tháng 5 năm 2020 đến ngày 09 tháng 6 năm 2020 được Bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt.

2. Lương Văn S, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 10 tháng 5 năm 1971 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn M, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn C (đã chết) và bà Hoàng Thị T (đã chết); có vợ Hoàng Thị V; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự không có; bị tạm

giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Chi Lăng từ ngày 05 tháng 5 năm 2020 đến ngày 09 tháng 6 năm 2020 được Bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt.

3. Lương Văn K, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 15 tháng 02 năm 1956 tại huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn Mỏ Cáy, xã Vạn Linh, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 05/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn N (đã chết) và bà Lương Thị S (đã chết); có vợ Hoàng Thị C và 05 con, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1985; tiền án, tiền sự không có; nhân thân: Năm 2010 bị Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính tiền 1.000.000 đồng về hành vi Đánh bạc, chấp hành xong năm 2010, đã được xóa tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Chi Lăng từ ngày 05 tháng 5 năm 2020 đến ngày 09 tháng 6 năm 2020 được Bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt.

4. Ma Văn H, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 06 tháng 8 năm 1970 tại huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú: Thôn Mỏ Cáy, xã Vạn Linh, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 04/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Văn S (đã chết) và bà Lương Thị L (đã chết); có vợ Vũ Thị T; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự không có; bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Chi Lăng từ ngày 05 tháng 5 năm 2020 đến ngày 09 tháng 6 năm 2020 được Bảo lãnh hiện tại ngoại, có mặt.

Ngoài ra còn có 02 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 04 tháng 5 năm 2020 Lê Văn T đang ở nhà tại thôn M, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì lần lượt có Lương Văn K, Lương Văn S, Hoàng Văn T, Hoàng Thị L đến ngồi chơi, uống nước. Đến khoảng 21 giờ có người đến mua hàng nên Lê Văn T đứng lên ra quầy bán, Hoàng Thị L nói “*giải trí một tý đi*”, ý là đánh bạc, Lương Văn K và Hoàng Văn T đồng ý, lúc này Ma Văn H đến thấy Hoàng Thị L, Hoàng Văn T, Lương Văn S, Lương Văn K đi vào phòng ngủ nhà Lê Văn T thì Ma Văn H cũng vào. Khi vào phòng ngủ của Lê Văn T đã có sẵn chiếu trải trên nền nhà từ trước, mọi người ngồi vào chiếu thì Lê Văn T mang 01 bộ bài tổ tôm 120 quân, 60 hạt ngô, 01 chén sù, 01 chiếc đĩa gỗ vào và tất cả cùng nhau đánh bạc.

Khoảng 00 giờ 15 phút ngày 05 tháng 5 năm 2020 khi Lê V T, Hoàng Thị L, Hoàng Văn T, Lương Văn S, Lương Văn K, Ma Văn H cùng nhau đánh bạc thì bị Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc 4.260.000 đồng và các vật dụng để đánh bài, thu trên người Lê Văn T 1.265.000 đồng, Lương Văn S 5.297.000 đồng, Lương Văn K 1.700.000 đồng.

Xác định tổng số tiền thu giữ tại chiếu bạc và thu trên người các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 13.152.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2020/HS-ST ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã tuyên bố tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Lương Văn S, Lương Văn K, Ma Văn H phạm tội Đánh bạc.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 5 năm 2020 đến ngày 09 tháng 6 năm 2020. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Lương Văn S 01 (một) năm tù, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 5 năm 2020 đến ngày 09 tháng 6 năm 2020. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Văn K 10 (mười) tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 5 năm 2020 đến ngày 09 tháng 6 năm 2020. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ma Văn H 09 (chín) tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 5 năm 2020 đến ngày 09 tháng 6 năm 2020. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về mức hình phạt cho bị cáo khác trong vụ án; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo.

Trong thời hạn luật định, các bị cáo Lê Văn T, Lương Văn S, Lương Văn K, Ma Văn H có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Lê Văn T, Lương Văn S, Lương Văn K, Ma Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ, Bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Lương Văn S, Lương Văn K, Ma Văn H phạm tội Đánh bạc là đúng người, đúng tội, không oan. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, mức hình phạt mà Bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Lương Văn S,

Lương Văn K, Ma Văn H cung cấp các tài liệu, chứng cứ mới là 01 phiếu thu thể hiện các bị cáo ủng hộ số tiền 1.000.000 đồng quỹ vì người nghèo của xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, do vậy các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự. Do vậy có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; bị cáo Lê Văn T giữ vai trò chính trong vụ án và tại phiên tòa không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ mới nào nên không có cơ sở xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, phục vụ tình hình chính trị tại địa phương, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Văn T xử giữ nguyên mức hình phạt của án sơ thẩm đối với bị cáo; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lương Văn S, Lương Văn K, Ma Văn H; xử giữ nguyên mức án sơ thẩm và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử các bị cáo Lê Văn T, Lương Văn S, Lương Văn K, Ma Văn H về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Lê Văn T, Lương Văn S, Lương Văn K, Ma Văn H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất phạm tội, xem xét nhân thân, điều kiện phạm tội và áp dụng đầy đủ các quy định của pháp luật về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Các bị cáo Lương Văn S, Lương Văn K, Ma Văn H tại cấp phúc thẩm xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới mỗi bị cáo gồm 01 phiếu thu số tiền 1.000.000 đồng ủng hộ quỹ vì người nghèo năm 2020 cho xã và 01 giấy xác nhận của chính quyền xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn xác nhận các bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Xét thấy các bị cáo phạm tội với vai trò thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, không có tình tiết tăng nặng bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Lương Văn S,

Lương Văn K, Ma Văn H. Đối với bị cáo Lê Văn T có vai trò cao nhất, là chủ nhà cho các bị cáo khác đánh bạc và cũng là người chuẩn bị các công cụ đánh bạc và cũng là người thu tiền của các bị cáo khác để đánh bạc. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo. Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tại địa phương góp phần giữ vững an ninh - chính trị, tạo điều kiện ổn định phát triển kinh tế - xã hội, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T, cần giữ nguyên phần hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo Lương Văn S, Lương Văn K, Ma Văn H được Tòa án chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; kháng cáo của bị cáo Lê Văn T không được Tòa án chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T về việc xin hưởng án treo; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lương Văn S, Lương Văn K, Ma Văn H về việc xin hưởng án treo. Cụ thể như sau:

I. Về hình phạt

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 5 năm 2020 đến ngày 09 tháng 6 năm 2020. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Lương Văn S 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 18/9/2020.

Xử phạt bị cáo Lương Văn K 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 18/9/2020.

Xử phạt bị cáo Ma Văn H 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 18/9/2020.

Giao các bị cáo Lương Văn S, Lương Văn K, Ma Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Vạn Linh, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

II. Về án phí: Áp dụng các điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lương Văn S, Lương Văn K, Ma Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Tổ HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Đức Trí